

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 76/2017/HS-ST.

Ngày: 26/10/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Nurm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Quang Ngọc – Giáo viên;

2/ Ông Trương Duy Cảnh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2017/HS-ST ngày 06/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

A S, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/4/2001 tại Kon Tum; Trú tại: Làng Kon KL I, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông, trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông B (đã chết) và bà C, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý về hành vi vi phạm gì. Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 17 tuổi, 01 tháng 27 ngày.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo A S: Bà C, sinh năm 1967 (Là mẹ của bị cáo A S). Địa chỉ: Làng Kon K L I, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum (Có Mặt).

Người bào chữa cho bị cáo A S: Ông Tạ Văn N - Luật sư, văn phòng luật sư Sài Gòn An N - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- Người bị hại:

Anh Vũ Hồng T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 225, đường Trường C, phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 79 A, đường Hùng V, phường Diên H, thành phố Plei K, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số 101, đường Đào Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

3. Bà C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Làng Kon K L I, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo A S bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 14/6/2017, A L điều khiển xe mô tô chở bị cáo A S đi ngang qua nhà nghỉ R số 225, đường Trường C, thành phố Kon T thì hết xăng. A L thấy trong sân nhà nghỉ có xe mô tô biển kiểm soát 81F1-0537 nhãn hiệu HONDA, kiểu dáng DREAM màu nâu, không có ai trông coi, nên A L bảo bị cáo A S vào trộm cắp, A S đồng ý và vào trộm cắp xe mô tô, còn A L đẩy xe của mình về phía đường Đào Duy T. A S trộm cắp được xe mô tô biển kiểm soát 81F1-0537 và đẩy về phía đường Đào Duy T khoảng được 50 m thì anh Vũ Hồng T phát hiện và truy hô, A L dắt xe bỏ trốn, còn bị cáo A S bị anh Đinh Văn T bắt giữ, sau đó anh Vũ Hồng T giao bị cáo A S cho Công an phường Trường C, thành phố Kon T xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/ĐG-TS ngày 20/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Kon T kết luận tổng giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81F1-0537 có giá trị còn lại là 10.406.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 71/CTr-VKS ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo A S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội,

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo A S và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 68, Điều 69, Điều 60; khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo A S từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu nên không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo A S: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo A S

về tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 69 Bộ luật hình sự để xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo một mức án thấp nhất, nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo A S nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo A S thừa nhận: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 14/6/2017 bị cáo đã chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81F-0537 có giá trị là 10.406.000 đồng. Như vậy, hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản đó của bị cáo A S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, đúng như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo A S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút, cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử công khai là cần thiết, đồng thời cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân của bị cáo A S: Bị cáo có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được người bị hại có đơn xin bãi nại. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng.

Mặt khác, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

Ngoài ra, bị cáo A S phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có công việc nhưng thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, áp dụng Điều 68, 69, 71 và Điều 73 của Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại anh Vũ Hồng T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền sửa chữa xe mô tô, anh thuyền đã nhận lại tài sản, nên tại phiên tòa hôm nay, người bị hại anh Vũ Hồng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L, anh Vũ Văn T không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Trong vụ án này có đối tượng là A L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo A S trộm cắp tài sản, nên A L cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, A L đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum tách ra, tiếp tục điều tra và xử lý sau.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DREAM biển kiểm soát 81F1-0537; màu sơn nâu.

Ngày 05/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã trả lại tài sản nêu trên cho chủ sở hữu và không ai có ý kiến khiếu nại gì, việc trả lại tài sản là đúng pháp luật.

[8] Đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum và luật sư bào chữa cho bị cáo đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo A S từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của Viện kiểm sát và luật sư áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Vì, hành vi của bị cáo tham gia trong vụ án này chỉ là người bị rủ rê, lôi kéo; Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, khắc phục hậu quả cho người bị hại; Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, là người dân tộc thiểu số, có nhân thân tốt, địa chỉ rõ ràng; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ thời gian giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo A S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo là người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp phải nộp án phí thay cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố A S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31, Điều 68, Điều 69, 71 và Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **A S12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo A S cho Ủy ban nhân dân phường Thắng L – thành phố Kon T và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo là người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp phải nộp án phí thay cho bị cáo.

Căn cứ Điều 231, 233, 234, Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/10/2017) bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bào chữa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP. KonTum;
- Công an TP. KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- UBND phường Thắng L;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Văn Nurm